TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – KHÁNH HOÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/DS-ST
Ngày 20 - 3 - 2026
Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản, tranh chấp hợp đồng thuê tài sản.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Út và ông Trần Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hoà tham gia phiên tòa: Ông Võ Phúc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S tiền có ngay.

Địa chỉ: Số A N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàn T - Nhân viên Công ty cổ phần S tiền có ngay (theo Giấy ủy quyền số 236/2023/UQ-SVN ngày 25/3/2023).

Địa chỉ: B đường N, phường P, tỉnh Khánh Hòa (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phạm V, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần S tiền có ngay (gọi tắt là Công ty S) có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh N cấp giấy

chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 10/12/2024 và có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh N cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 14/4/2024. Công ty hoạt động nhiều lĩnh vực, trong đó có cầm cố tài sản.

Vào ngày 27/12/2024, ông Nguyễn Phạm Văn C đến chi nhánh P2 1 của công ty tại địa chỉ số B N, Phường P, tỉnh Khánh Hòa để kí hợp đồng cầm cố số PRM241203027NA20X với tài sản là xe mô tô biển số 85B1-838.13 nhãn hiệu HONDA AIR BLADE màu ĐEN để cầm cố vay với số tiền 15,585,106.38 đồng.

Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

Thời hạn cầm cố: 12 tháng (365 ngày), với mức lãi suất cố định 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Thanh toán định kỳ hàng tháng (bao gồm gốc và lãi trong hạn); Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngoài ra còn các khoản Phí quản lý hồ sơ cố định: 0,5%/ tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; P tổ chức kiểm tra giá trị tài sản ban đầu; Phí đăng ký và xóa giao dịch bảo đảm; Phí trả nợ trước hạn: 7% trên dư nợ thực tế chưa đến hạn (thu khi khách hàng có nguyện vọng muốn trả nợ trước hạn); Phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ với mức phí: 8% trên dư nợ thực tế chưa đến hạn; Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại là 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm. Trong trường hợp nghĩa vụ vi phạm là nghĩa vụ thanh toán đúng hạn là khách hàng sẽ thanh toán giá trị phạt vi phạm bằng 8% tổng số tiền gốc theo kỳ mà khách hàng chưa thanh toán tại thời điểm áp dụng quy định phạt vi phạm này.

Công ty S nhận tài sản bảo đảm là xe máy của ông V đã tiến hành đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng.

Ngày 27/12/2024, ông V đã có văn bản ủy quyền cho Công ty Cổ phần S - Chi nhánh P2 được thực hiện các nội dung ủy quyền trong đó có nội dung: Công ty Cổ phần S - Chi nhánh P2 được thay mặt ông V quản lý, sử dụng và định đoạt (cho thuê, cho mượn…) tài sản bảo đảm và cùng ngày Công ty cổ phần S - Chi nhánh P2 và ông V đã ký thỏa thuận thuê tài sản cho ông V thuê lại đối với xe máy nhãn hiệu HONDA AIR BLADE màu ĐEN, biển số 85B1-838.13 là tài sản mà ông V đã cầm cố. Thời hạn thuê xe 12 tháng (180 ngày) từ ngày 27/12/2024 đến ngày 27/12/2025, địa điểm trả xe là tại Văn phòng đại diện của Công ty là chi nhánh N1 - thành phố P. Ông V có cam kết, rõ ràng trong thỏa thuận thuê tài sản là "hoàn trả lại tài sản thuê đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận".

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Phạm Văn C1 mới thanh toán được tổng số tiền bao gồm gốc, lãi là 1,828,000 đồng vào ngày 27/01/2025. Cụ thể như sau:

- Tiền gốc: 1,188,396 đồng;

- Tiền lãi trong hạn 1.1%/tháng: 171.436 đồng;
- Phí quản lí hồ 0.5%/tháng: 77.925 đồng;
- Phí thỏa thuận thuê tài sản: 390.243 đồng;
- Lãi quá hạn:

Tính đến thời điểm 20/3/2026, ông Nguyễn Phạm V đã trễ hạn 386 ngày. Hiện tại, ông Nguyễn Phạm V đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã ký kết trong hợp đồng. Công ty nhiều lần tạo điều kiện để ông Nguyễn Phạm Văn thanh T1, tuy nhiên khách hàng vẫn không hợp tác. Vì vậy, công ty ủy quyền cho ông làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ông Nguyễn Phạm Văn P1 thanh toán số tiền như trên hợp đồng và thỏa thuận. Tổng số tiền bao gồm gốc lãi phát sinh tính đến ngày 20/3/2026 là 18.428.437 đồng (*Mười tám triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm ba mươi bảy đồng*) số tiền này bao gồm gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Trong đó: tiền gốc: 14.396.709 đồng; tiền lãi trong hạn 1.1%/tháng: 975.307 đồng; lãi quá hạn: 3.056.421 đồng. Các khoản chi phí đều theo hợp đồng phụ lục cầm cố của ông Nguyễn Phạm Văn .

Ông Nguyễn Phạm Văn C2 phải tiếp tục chịu lãi suất, phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 21/3/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Sau khi ông Nguyễn Phạm V thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S sẽ trả lại cho ông Văn bản C3 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy cho ông Nguyễn Phạm Văn V1 thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Phạm Văn : Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V nhưng ông V không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Công ty S khởi kiện yêu cầu ông V phải thanh toán số tiền vay đã nhận khi cầm cố tài sản và trả lại xe đã thuê. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường Đ, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hoà theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

[1.3] Về việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S đối với ông V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố tài sản, số hợp đồng: PRM241203027NA20X (mục đích cầm cố tài sản: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh), phụ lục hợp đồng cầm cố, Phiếu đăng ký cầm cố xe máy (để vay vốn theo hình thức cầm cố tài sản), Thỏa thuận thuê tài sản, giấy ủy quyền, văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 27/12/2024, giữa Công ty S và ông Nguyễn Phạm Văn C thỏa thuận và ký kết hợp đồng cầm cố tài sản là xe máy nhãn hiệu HONDA AIR BLADE màu ĐEN, biển số 85B1-838.13, Công ty S đã giao tiền (hình thức chuyển khoản) và

ông V đã nhận đủ số tiền trên. Hợp đồng cầm cố giữa Công ty S và ông V được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật nên xác định Hợp đồng hợp pháp là cơ sở giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện các hợp đồng, ông V mới thanh toán cho Công ty S số tiền 1.828.000 đồng. Do ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù được Công ty S nhắc nhở nhiều lần, vi phạm Hợp đồng đã ký ông V là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 20/3/2026 ông V còn nợ Công ty số tiền 18.428.437 đồng (*Mười tám triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm ba mươi bảy đồng*) số tiền này bao gồm gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Trong đó: tiền gốc: 14.396.709 đồng; tiền lãi trong hạn 1.1%/tháng: 975.307 đồng; lãi quá hạn: 3.056.421 đồng. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận, ông V phải có nghĩa vụ trả cho Công ty SAWAD các khoản tiền trên.

[2.3] Đối với yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với tài sản cầm cố là xe máy nhãn hiệu HONDA AIR BLADE màu ĐEN, biển số 85B1-838.13 và các khoản phí chưa thanh toán mà Công ty S và ông V đã ký tại Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng cầm cố, thỏa thuận thuê xe do Công ty S không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận ý kiến của Công ty S về việc sau khi ông V thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S sẽ trả lại cho ông Văn bản C3 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy cho ông V và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V nhưng ông V không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Công ty S xuất trình nên có cơ sở khẳng định ông V đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

Căn cứ các Điều 309, 310, 311, 313, 316, 357, 463, 466, 468, 470, 472, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay.

2. Buộc ông Nguyễn Phạm V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền tính đến ngày 20/3/2026 là 18.428.437 đồng (*Mười tám triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm ba mươi bảy đồng*) bao gồm: gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn của khách hàng. Trong đó: tiền gốc: 14.396.709 đồng; tiền lãi trong hạn 1.1%/tháng: 975.307 đồng; lãi quá hạn 150%: 3.056.421 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Phạm Văn C2 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất Công ty cổ phần S tiền có ngay và ông V thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngay sau khi ông Nguyễn Phạm V thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S tiền có ngay có nghĩa vụ giao trả cho ông Văn bản C3 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 001225 do Phòng C4 Công an tỉnh N cấp cho ông Nguyễn Phạm Văn N 30/01/2021 và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Phạm Văn P1 chịu 921.422 đồng (*Chín trăm hai mươi mốt nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền 530.000 đồng (*Năm trăm ba mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003458 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND KV5 – Khánh Hoà;
- THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Dung